

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI PHÒNG
TRƯỜNG CĐCN HẢI PHÒNG



GIÁO TRÌNH
Tên mô đun: NGUYÊN LÝ HỆ ĐIỀU HÀNH
NGHỀ: QUẢN TRỊ MẠNG

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Giáo trình lưu hành nội bộ.

LỜI GIỚI THIỆU

Để thực hiện biên soạn giáo trình đào tạo nghề Quản trị mạng ở trình độ Trung cấp Nghề, giáo trình Mạng điện tử là một trong những giáo trình môn học đào tạo chuyên ngành được biên soạn theo nội dung chương trình tạo trường Cao đẳng Nghề Công nghệ Việt – Hàn Bắc Gian. Nội dung biên soạn ngắn gọn, dễ hiểu, tích hợp kiến thức và kỹ năng chặt chẽ với nhau, logic.

Khi biên soạn, tác giả đã cố gắng cập nhật những kiến thức mới có liên quan đến nội dung chương trình đào tạo và phù hợp với mục tiêu đào tạo, nội dung lý thuyết và thực hành được biên soạn gắn với nhu cầu thực tế trong sản xuất đồng thời có tính thực tiễn cao. Nội dung giáo trình được biên soạn với dung lượng thời gian đào tạo.

Trong quá trình sử dụng giáo trình, tùy theo yêu cầu cũng như khoa học và công nghệ phát triển có thể điều chỉnh thời gian và bổ sung những kiến thức mới cho phù hợp. Trong giáo trình, chúng tôi có đề ra nội dung thực tập của từng bài để người học cũng cố và áp dụng kiến thức phù hợp với kỹ năng.

Tuy nhiên, tùy theo điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị, các trường có thể sử dụng cho phù hợp. Mặc dù đã cố gắng tổ chức biên soạn để đáp ứng được mục tiêu đào tạo nhưng không tránh được những khiếm khuyết. Rất mong nhận được đóng góp ý kiến của các thầy, cô giáo, bạn đọc để nhóm biên soạn sẽ hiệu chỉnh hoàn thiện hơn.

Tổ bộ môn Tin học

MỤC LỤC

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ HỆ ĐIỀU HÀNH	8
I Mục tiêu	8
II Giới thiệu	8
III Hệ điều hành là gì?.....	9
III.1 Tầm nhìn người dùng	10
111.2 Tầm nhìn hệ thống.....	10
111.3 Mục tiêu hệ thống.....	11
IV Hệ thống mainframe	12
IV.1 Hệ thống bó.....	12
IV.2 Hệ đa chương.....	13
IV.3 Hệ chia thời.....	14
V Hệ để bàn (Desktop system).....	15
VI Hệ đa xử lý	16
VII Hệ phân tán.....	18
VII.1 Hệ khách hàng-máy phục vụ	18
VII.2 Hệ ngang hàng	19
VIII Hệ thống nhóm (Clustered Systems).....	20
IX Hệ thời thực	21
X Hệ xách tay	22
XI Tóm tắt	22
Chương 2: CẤU TRÚC HỆ ĐIỀU HÀNH	24
I Mục đích	24
II Giới thiệu	24
III Các thành phần hệ thống.....	24
III.1 Quản lý quá trình.....	24
III.2 Quản lý bộ nhớ chính	25
111.4 Quản lý hệ thống xuất/nhập.....	27
111.5 Quản lý việc lưu trữ phụ	27
111.7 Hệ thống bảo vệ.....	28
111.8 Hệ thống thông dịch lệnh	28
IV Các dịch vụ hệ điều hành.....	29
V Lời gọi hệ thống.....	31
VI Các chương trình hệ thống.....	32
VII Cấu trúc hệ thống.....	33
VII.1 Cấu trúc đơn giản	33
VII.2 Phương pháp phân tầng.....	34
VII.3 Vi nhân (Microkernels)	36
VIII Máy ảo	37
VIII.1 Cài đặt.....	39
VIII.2 Lợi điểm	39
IX Tóm tắt	40
CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ TIỀN TRÌNH	40
I Mục đích	40
II Giới thiệu	40
III Khái niệm quá trình.....	41
III.1 Quá trình.....	41
III.2 Trạng thái quá trình	41
III.3 Khởi điều khiển quá trình	42

III.	4 Luồng	43
IV	Lập thời biểu quá trình	44
IV.	1 Hàng đợi lập thời biểu	44
IV.	2 Bộ định thời biểu	45
IV.	3 Chuyển ngữ cảnh	47
V	Thao tác trên quá trình	47
V.	1 Tạo quá trình	47
V.	2 Kết thúc quá trình	50
V.	3 Hợp tác quá trình	50
VI	Giao tiếp liên quá trình	52
VI.	1 Hệ thống truyền thông điệp	52
VI.	2 Đặt tên	53
VI.	2.1 Giao tiếp trực tiếp	53
VI.2.2	Giao tiếp gián tiếp	54
VI.2.3	Đồng bộ hóa	55
VI.2.4	Tạo vùng đệm	55
VII	Tóm tắt	56
CHƯƠNG IV - LUỒNG		57
IV.1	Mục đích	57
IV.2	Giới thiệu	57
IV.3	Tổng quan	57
IV.3.1	Sự cơ động	57
IV.3.2	Thuận lợi	58
IV.3.3	Luồng người dùng và luồng nhân	59
IV.4	Mô hình đa luồng	59
IV.4.1	Mô hình nhiều-một	61
IV.4.2	Mô hình một-một	61
IV.4.3	Mô hình nhiều-nhiều	61
IV.5	Cấp phát luồng	62
IV.5.1	Lời gọi hệ thống fork và exec	62
IV.5.2	Sự hủy bỏ luồng	63
IV.5.3	Tín hiệu quản lý	63
IV.5.4	Nhóm luồng	65
IV.5.5	Dữ liệu đặc tả luồng	65
IV.6	Pthreads	66
IV.7	Luồng Solaris 2	67
IV.8	Luồng Windows 2000	69
IV.9	Luồng Linux	70
IV.10	Luồng Java	71
IV.10.1	Tạo luồng	71
IV.10.2	JVM và hệ điều hành chủ	73
Chương 5: QUẢN LÝ BỘ NHỚ		74
I	Mục đích	74
II	Giới thiệu	74
III	Đặt vấn đề	74
III.1	Liên kết địa chỉ	74
III.2	Không gian địa chỉ luận lý và không gian địa chỉ vật lý	76
III.3	Nạp động	77
III.4	Liên kết động và các thư viện được chia sẻ	77
III.5	Phủ lấp	78
IV	Hoán vị	79

V	Cấp phát bộ nhớ liên tục	81
V.1	Bảo vệ bộ nhớ	81
V.2	Hệ thống đơn chương	82
V.3	Hệ thống đa chương với phân khu cố định	83
V.4	Hệ thống đa chương với phân khu động	84
V.5	Quản lý bộ nhớ với hệ thống bạn thân	88
V.	6 Phân mảnh.....	90
VI	Cấp phát không liên tục.....	91
VI.	1 Phân trang.....	91
VI.1.1	Phương pháp cơ bản	92
VI.1.2	Hỗ trợ phần cứng	97
VI.1.3	Sự bảo vệ	99
VI.1.4	Cấu trúc bảng trang.....	101
VI.1.5	Trang được chia sẻ	106
VI.2	Phân đoạn	107
VI.2.1	Phương pháp cơ bản	108
VI.2.2	Phần cứng	109
VI.2.3	Bảo vệ và chia sẻ.....	111
VI.2.4	Sự phân mảnh.....	113
VI.3	Phân đoạn với phân trang	114
VII	Tóm tắt	116
Chương 6:	HỆ THỐNG TẬP TIN	117
I	Mục đích	117
II	Giới thiệu	117
III	Khái niệm tập tin.....	118
111.1	Thuộc tính tập tin.....	118
111.2	Thao tác tập tin	119
111.3	Các kiểu tập tin	120
111.4	Cấu trúc tập tin	120
IV	Các phương pháp truy xuất	121
IV.	1 Truy xuất tuần tự	121
IV.	2 Truy xuất trực tiếp	122
IV.	3 Các phương pháp truy xuất khác	122
V	Cấu trúc thư mục	124
V.	1 Cấu trúc thư mục dạng đơn cấp.....	125
V.	2 Cấu trúc thư mục dạng hai cấp.....	126
V.	3 Cấu trúc thư mục dạng cây	128
V.4	Cấu trúc thư mục dạng đồ thị không chứa chu trình	130
V.5	Cấu trúc thư mục dạng đồ thị tổng quát	133
VI	Gắn hệ thống tập tin	134
VII	Chia sẻ tập tin	136
VII.1	Nhiều người dùng	136
VII.2	Hệ thống tập tin ở xa	136
VIII	Bảo vệ.....	137
VIII.1	Các kiểu truy xuất.....	137
VIII.2	Kiểm soát truy xuất.....	138
VIII.3	Các tiếp cận bảo vệ khác.....	139
IX	Tóm tắt	139
Chương 7:	CÀI ĐẶT HỆ THỐNG TẬP TIN	140
I	Mục đích	140
II	Giới thiệu	140

III	Cấu trúc hệ thống tập tin.....	141
IV	Cài đặt hệ thống tập tin	143
IV.	1 Tổng quan.....	143
IV.	2 Hệ thống tập tin ảo	146
V	Cài đặt thư mục.....	147
V.	1 Danh sách tuyến tính.....	147
V.	2 Bảng băm.....	148
VI	Các phương pháp cấp phát	148
VI.	1 Cấp phát kê	149
VI.	2 Cấp phát liên kết.....	151
VI.3	Cấp phát được lập chỉ mục	154
VI.4	Năng lực	156
VII	Quản lý không gian trống.....	157
VII.	1 Bit vector.....	157
VII.	2 Danh sách liên kết.....	158
VII.3	Nhóm.....	159
VII.4	Bộ đếm	159
VIII	Tóm tắt.....	159

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ HỆ ĐIỀU HÀNH

I Mục tiêu

Sau khi học xong chương này, người học nắm được những kiến thức sau:

- o Hiểu vai trò của hệ điều hành trong hệ thống máy tính
- o Biết các giai đoạn phát triển của hệ điều hành
- o Hiểu sự khác biệt của các hệ điều hành qua từng giai đoạn
- o Hiểu cách giải quyết các vấn đề phát sinh trong từng hệ điều hành

II Giới thiệu

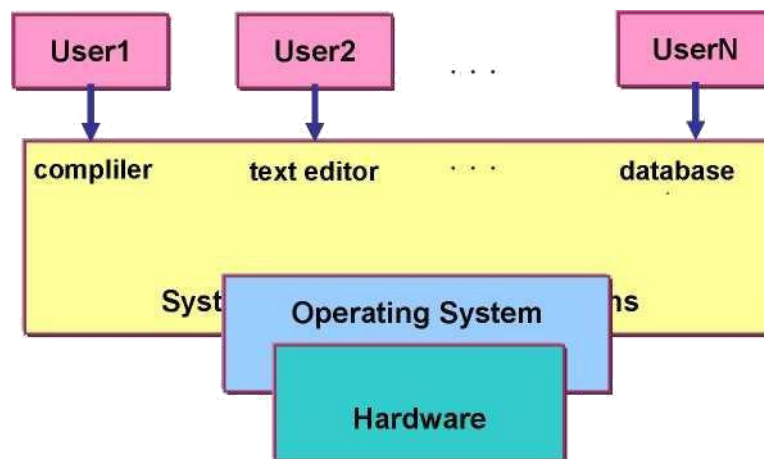
Hệ điều hành là một chương trình quản lý phần cứng máy tính. Nó cung cấp nền tảng cho các chương trình ứng dụng và đóng vai trò trung gian giao tiếp giữa người dùng máy tính và phần cứng của máy tính đó. Hệ điều hành thiết lập cho các tác vụ này rất đa dạng. Một vài hệ điều hành thiết kế tiện dụng trong khi một số khác thiết kế hiệu quả hoặc kết hợp cả hai.

Để hiểu hệ điều hành là gì, trước hết chúng ta phải hiểu chúng được phát triển như thế nào. Trong chương này chúng ta điểm lại sự phát triển của hệ điều hành từ những hệ thử nghiệm đầu tiên tới những hệ đa chương và chia thời. Thông qua những giai đoạn khác nhau chúng ta sẽ thấy cách thức mà những thành phần của hệ điều hành được cải tiến như những giải pháp tự nhiên cho những vấn đề trong những hệ thống máy tính ban đầu. Xem xét những lý do phía sau sự phát triển của hệ điều hành cho chúng ta một đánh giá về những tác vụ gì hệ điều hành làm và cách hệ điều hành thực hiện chúng.

III Hệ điều hành là gì?

Một hệ điều hành là một thành phần quan trọng của mọi hệ thống máy tính. Một hệ thống máy tính có thể được chia thành bốn thành phần: phần cứng, hệ điều hành, các chương trình ứng dụng và người dùng.

- **Phần cứng (Hardware):** bao gồm bộ xử lý trung tâm (CPU), bộ nhớ, thiết bị xuất/nhập,...cung cấp tài nguyên cơ bản cho hệ thống.
- **Các chương trình ứng dụng (application programs):** trình biên dịch (compiler), trình soạn thảo văn bản (text editor), hệ cơ sở dữ liệu (database system), trình duyệt Web,...định nghĩa cách mà trong đó các tài nguyên được sử dụng để giải quyết yêu cầu của người dùng.
- **Người dùng (user):** có nhiều loại người dùng khác nhau, thực hiện những yêu cầu khác nhau, do đó sẽ có nhiều ứng dụng khác nhau.
- **Hệ điều hành (operating system):** hay còn gọi là chương trình hệ thống, điều khiển và hợp tác việc sử dụng phần cứng giữa những chương trình ứng dụng khác nhau cho những người dùng khác nhau. Hệ điều hành có thể được khám phá từ hai phía: người dùng và hệ thống.



Hình 0-1 Tầm nhìn trừu tượng các thành phần của một hệ thống máy tính

III.1 Tầm nhìn người dùng

Tầm nhìn người dùng của máy tính rất đa dạng bởi giao diện được dùng. Hầu hết những người dùng máy tính ngồi trước máy tính cá nhân gồm có màn hình, bàn phím, chuột và bộ xử lý hệ thống (system unit). Một hệ thống như thế được thiết kế cho một người dùng độc quyền sử dụng tài nguyên của nó để tối ưu hoá công việc mà người dùng đang thực hiện. Trong trường hợp này, hệ điều hành được thiết kế dễ dàng cho việc sử dụng với sự quan tâm về năng lực nhưng không quan tới việc sử dụng tài nguyên. Năng lực thực hiện là quan trọng với người dùng nhưng không là vấn đề nếu hầu hết hệ thống đang rảnh, chờ tốc độ xuất/nhập chậm từ phía người dùng.

Vài người dùng ngồi tại thiết bị đầu cuối (terminal) được nối kết tới máy tính lớn (mainframe) hay máy tính tầm trung (minicomputer). Những người khác đang truy xuất cùng máy tính thông qua các thiết bị đầu cuối khác. Những người dùng này chia sẻ các tài nguyên và có thể trao đổi thông tin. Hệ điều hành được thiết kế để tối ưu hoá việc sử dụng tài nguyên-để đảm bảo rằng tất cả thời gian sẵn dùng của CPU, bộ nhớ và thiết bị xuất nhập được sử dụng hữu hiệu và không cá nhân người dùng sử dụng độc quyền tài nguyên hơn là chia sẻ công bằng.

Những người dùng khác ngồi tại trạm làm việc, được nối kết tới mạng của các trạm làm việc khác và máy chủ. Những người dùng này có tài nguyên tận hiến là trạm làm việc của mình nhưng họ cũng chia sẻ các tài nguyên trên mạng và các máy chủ-tập tin, tính toán và các máy phục vụ in. Do đó, hệ điều hành của họ được thiết kế để thoả hiệp giữa khả năng sử dụng cá nhân và việc tận dụng tài nguyên.

Gần đây, sự đa dạng của máy tính xách tay trở thành thời trang cho những người làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Các thiết bị này được sử dụng chỉ bởi cá nhân người dùng. Một vài máy tính này được nối mạng hoặc nối trực tiếp bằng dây hay thông qua các modem không dây. Do sự giới hạn về năng lượng (điện) và giao diện, chúng thực hiện tương đối ít các thao tác ở xa. Hệ điều hành được thiết kế chủ yếu cho việc sử dụng cá nhân nhưng năng lực thực hiện trên thời gian sống của pin cũng là yếu tố quan trọng.

Một số máy tính có rất ít hay không có tầm nhìn người dùng. Thí dụ, các máy tính được nhúng vào các thiết bị gia đình và xe ô tô có thể có một bảng số và các đèn hiển thị trạng thái mở, tắt nhưng hầu hết chúng và các hệ điều hành được thiết kế để

chạy mà không cần giao tiếp.

111.2 Tầm nhìn hệ thống

Từ quan điểm của máy tính, hệ điều hành là chương trình gần gũi với phần cứng. Chúng ta có thể thấy một hệ điều hành như bộ cấp phát tài nguyên. Hệ thống máy tính có nhiều tài nguyên - phần cứng và phần mềm - mà có thể được yêu cầu để giải quyết một vấn đề: thời gian CPU, không gian bộ nhớ, không gian lưu trữ tập tin, các thiết bị xuất/nhập,...Hệ điều hành hoạt động như bộ quản lý tài nguyên. Đương đầu với một lượng lớn các yêu cầu có thể xung đột về tài nguyên, hệ điều hành phải quyết định cách cấp phát tài nguyên tới những chương trình cụ thể và người dùng để có thể điều hành hệ thống máy tính hữu hiệu và công bằng.

Một tầm nhìn khác của hệ điều hành nhấn mạnh sự cần thiết để điều khiển các thiết bị xuất/nhập khác nhau và chương trình người dùng. Một hệ điều hành là một chương trình điều khiển. Chương trình điều khiển quản lý sự thực thi của các chương trình người dùng để ngăn chặn lỗi và việc sử dụng không hợp lý máy tính. Nó đặc biệt quan tâm với những thao tác và điều khiển các thiết bị nhập/xuất.

Nhìn chung, không có định nghĩa hoàn toàn đầy đủ về hệ điều hành. Các hệ điều hành tồn tại vì chúng là cách hợp lý để giải quyết vấn đề tạo ra một hệ thống máy tính có thể sử dụng. Mục tiêu cơ bản của hệ thống máy tính là thực thi chương trình người dùng và giải quyết vấn đề người dùng dễ dàng hơn. Hướng đến mục tiêu này, phần cứng máy tính được xây dựng. Tuy nhiên, chỉ đơn thuần là phần cứng thì không dễ sử dụng và phát triển các chương trình ứng dụng. Các chương trình khác nhau này đòi hỏi những thao tác chung nào đó, chẳng hạn như điều khiển thiết bị xuất/nhập. Sau đó, những chức năng chung về điều khiển và cấp phát tài nguyên được đặt lại với nhau vào một bộ phận phần mềm gọi là hệ điều hành.

Cũng không có định nghĩa bao quát nào được chấp nhận để xác định phần gì thuộc về hệ điều hành, phần gì không. Một quan điểm đơn giản là mọi thứ liên quan khi chúng ta ra lệnh hệ điều hành nên được xem xét. Tuy nhiên, những yêu cầu về bộ nhớ và những đặc điểm bên trong rất khác nhau trong từng hệ thống. Một định nghĩa bao quát hơn về hệ điều hành là một chương trình chạy liên tục trên máy tính (thường gọi là nhân kernel), những chương trình còn lại thuộc về chương trình ứng dụng.

111.3 Mục tiêu hệ thống

Định nghĩa những gì hệ điều hành làm thì dễ hơn xác định hệ điều hành là gì. Mục đích chính của hệ điều hành là dễ dàng sử dụng. Vì sự tồn tại của hệ điều hành hỗ trợ nhiều cho máy tính trong việc đáp ứng các ứng dụng của người dùng. Tầm nhìn này đặc biệt rõ ràng hơn khi nhìn hệ điều hành trên các máy tính cá nhân.

Mục tiêu thứ hai của hệ điều hành là điều hành hữu hiệu hệ thống máy tính. Mục tiêu này đặc biệt quan trọng cho các hệ thống lớn, được chia sẻ, nhiều người dùng. Những hệ thống tiêu biểu này khá đắt, khai thác hiệu quả nhất các hệ thống này luôn là điều mong muốn. Tuy nhiên, hai mục tiêu tiện dụng và hữu hiệu đôi khi mâu thuẫn nhau. Trong quá khứ, xem xét tính hữu hiệu thường quan trọng hơn tính tiện dụng. Do đó, lý thuyết hệ điều hành tập trung nhiều vào việc tối ưu hoá sử dụng tài nguyên tính toán. Hệ điều hành cũng phát triển dần theo thời gian. Thí dụ, UNIX bắt

đầu với bàn phím và máy in như giao diện của nó giới hạn tính tiện dụng đối với người dùng. Qua thời gian, phần cứng thay đổi và UNIX được gắn vào phần cứng mới với giao diện thân thiện với người dùng hơn. Nhiều giao diện người dùng đồ họa GUIs (graphical user interfaces) được bổ sung cho phép tiện dụng hơn với người dùng trong khi vẫn quan tâm tính hiệu quả.

Thiết kế hệ điều hành là một công việc phức tạp. Người thiết kế gặp phải nhiều sự thỏa hiệp trong thiết kế và cài đặt. Nhiều người tham gia không chỉ mang đến hệ điều hành những lợi điểm mà còn liên tục xem xét và nâng cấp. Để thấy rõ những hệ điều hành là gì và những gì hệ điều hành làm, chúng ta xem xét cách chúng phát triển trong bốn mươi lăm năm qua. Bằng cách lần theo sự tiến triển, chúng ta có thể xác định những thành phần của hệ điều hành và thấy cách thức và lý do hệ điều hành phát triển như chúng có.

Hệ điều hành và kiến trúc máy tính có mối quan hệ khăng khít nhau. Để dễ dàng sử dụng phần cứng, hệ điều hành được phát triển. Sau đó, các người dùng hệ điều hành đề nghị những chuyển đổi trong thiết kế phần cứng để đơn giản chúng. Nhìn lại lịch sử ngắn ngủi này, chú trọng cách giải quyết những vấn đề về hệ điều hành để giới thiệu những đặc điểm phần cứng.

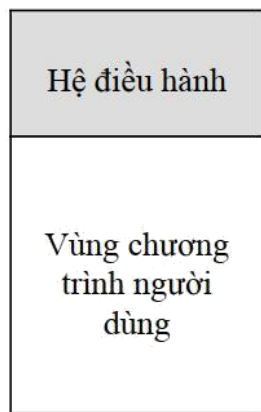
IV Hệ thống mainframe

Những hệ thống máy tính mainframe là những máy tính đầu tiên được dùng để xử lý ứng dụng thương mại và khoa học. Trong phần này, chúng ta lần theo sự phát triển của hệ thống mainframe từ các hệ thống bó (batch systems), ở đó máy tính chỉ chạy một-và chỉ một -ứng dụng, tới các hệ chia sẻ thời gian (time-shared systems), mà cho phép người dùng giao tiếp với hệ thống máy tính.

IV.1 Hệ thống bó

Những máy tính thời kỳ đầu là những máy cực lớn chạy từ một thiết bị cuối (console). Những thiết bị nhập thường là những bộ đọc thẻ và các ổ đĩa băng từ. Các thiết bị xuất thông thường thường là những máy in dòng (line printers), các ổ đĩa từ và các phiếu đục lỗ. Người dùng không giao tiếp trực tiếp với các hệ thống máy tính. Thay vào đó, người dùng chuẩn bị một công việc- chứa chương trình, dữ liệu và các thông tin điều khiển về tính tự nhiên của công việc-và gửi nó đến người điều hành máy tính. Công việc này thường được thực hiện trong các phiếu đục lỗ. Tại những thời điểm sau đó (sau vài phút, giờ hay ngày), dữ liệu xuất xuất hiện. Dữ liệu xuất chứa kết quả chương trình cũng như kết xuất bộ nhớ cuối cùng và nội dung các thanh ghi cho việc gỡ rối.

Hệ điều hành trong các máy tính thời kỳ đầu này tương đối đơn giản. Tác vụ chính là chuyển điều khiển tự động từ một công việc này sang công việc khác. Hệ điều hành luôn được thường trú trong bộ nhớ.



Hình 0-2 Sắp xếp bộ nhớ cho một hệ thống bó đơn giản

Để tăng tốc việc xử lý, người điều hành bó các công việc có cùng yêu cầu và chạy chúng thông qua máy tính như một nhóm. Do đó, các lập trình viên sẽ đưa chương trình của họ cho người điều hành. Người điều hành sẽ sắp xếp chương trình thành những bó với cùng yêu cầu và khi máy tính sẵn dùng sẽ chạy mỗi bó này. Dữ liệu xuất từ mỗi công việc sẽ gửi lại cho lập trình viên tương ứng.

Trong môi trường thực thi này, CPU luôn rảnh vì tốc độ của các thiết bị xuất/nhập dạng cơ thực chất chậm hơn tốc độ của các thiết bị điện. Ngay cả một CPU chậm (với hàng ngàn chỉ thị lệnh được thực thi trên giây) cũng chỉ làm việc trong vài phần trăm giây. Thêm vào đó, một bộ đọc thẻ nhanh có thể đọc 1200 thẻ trong thời gian 1 phút (hay 20 thẻ trên giây). Do đó, sự khác biệt giữa tốc độ CPU và thiết bị xuất/nhập của nó có thể là 3 lần hay nhiều hơn. Dĩ nhiên theo thời gian, sự tiến bộ trong công nghệ dẫn đến sự ra đời những thiết bị nhập/xuất nhanh hơn. Tuy nhiên, tốc độ CPU tăng tới một tỷ lệ lớn hơn vì thế vấn đề không những không được giải quyết mà còn làm tăng.

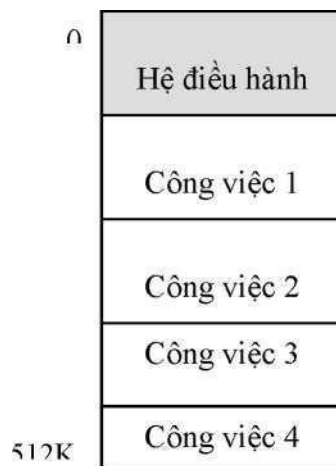
Giới thiệu công nghệ đĩa cho phép hệ điều hành giữ tất cả công việc trên một đĩa hơn trong một bộ đọc thẻ tuần tự. Với việc truy xuất trực tiếp tới nhiều công việc, hệ điều hành có thể thực hiện định thời công việc, để sử dụng tài nguyên và thực hiện các tác vụ hữu hiệu.

IV.2 Hệ đa chương

Một khía cạnh quan trọng nhất của định thời công việc là khả năng đa chương. Thông thường, một người dùng giữ CPU hay các thiết bị xuất/nhập luôn bận. Đa chương gia tăng khả năng sử dụng CPU bằng cách tổ chức các công việc để CPU luôn có một công việc để thực thi.

Ý tưởng của kỹ thuật đa chương có thể minh họa như sau: Hệ điều hành giữ nhiều công việc trong bộ nhớ tại một thời điểm. Tập hợp các công việc này là tập con của các công việc được giữ trong vùng công việc-bởi vì số lượng các công việc có thể được giữ cùng lúc trong bộ nhớ thường nhỏ hơn số công việc có thể có trong vùng đệm. Hệ điều hành sẽ lấy và bắt đầu thực thi một trong các công việc có trong bộ nhớ. Cuối cùng, công việc phải chờ một vài tác vụ như một thao tác xuất/nhập để hoàn thành. Trong hệ thống đơn chương, CPU sẽ chờ ở trạng thái rỗi. Trong hệ thống đa

chương, hệ điều hành sẽ chuyển sang thực thi công việc khác. Cuối cùng, công việc đầu tiên kết thúc việc chờ và nhận CPU trở lại. Chỉ cần ít nhất một công việc cần thực thi, CPU sẽ không bao giờ ở trạng thái rỗi.



Hình 0-3 Sắp xếp bộ nhớ cho hệ đa chương

Đa chương là một trường hợp đầu tiên khi hệ điều hành phải thực hiện quyết định cho những người dùng. Do đó, hệ điều hành đa chương tương đối tinh vi. Tất cả công việc đưa vào hệ thống được giữ trong vùng công việc. Vùng này chứa tất cả quá trình định vị trên đĩa chờ được cấp phát bộ nhớ chính. Nếu nhiều công việc sẵn sàng được mang vào bộ nhớ và nếu không đủ không gian cho tất cả thì hệ điều hành phải chọn một trong chúng. Khi hệ điều hành chọn một công việc từ vùng công việc, nó nạp công việc đó vào bộ nhớ để thực thi. Có nhiều chương trình trong bộ nhớ tại cùng thời điểm yêu cầu phải có sự quản lý bộ nhớ. Ngoài ra, nếu nhiều công việc sẵn sàng chạy cùng thời điểm, hệ thống phải chọn một trong chúng. Thực hiện quyết định này là định thời CPU. Cuối cùng, nhiều công việc chạy đồng hành đòi hỏi hoạt động của chúng có thể ảnh hưởng tới một công việc khác thì bị hạn chế trong tất cả giai đoạn của hệ điều hành bao gồm định thời quá trình, lưu trữ đĩa, quản lý bộ nhớ.

IV.3 Hệ chia thời

Hệ thống bó-đa chương cung cấp một môi trường nơi mà nhiều tài nguyên khác nhau (chẳng hạn như CPU, bộ nhớ, các thiết bị ngoại vi) được sử dụng hiệu quả. Tuy nhiên, nó không cung cấp giao tiếp người dùng với hệ thống máy tính. Chia thời (hay đa nhiệm) là sự mở rộng luận lý của đa chương. CPU thực thi nhiều công việc bằng cách chuyển đổi qua lại giữa chúng, nhưng những chuyển đổi xảy ra quá thường xuyên để người dùng có thể giao tiếp với mỗi chương trình trong khi chạy.

Một hệ thống máy tính giao tiếp (interactive computer) hay thực hành (hands-on computer system) cung cấp giao tiếp trực tuyến giữa người dùng và hệ thống. Người dùng cho những chỉ thị tới hệ điều hành hay trực tiếp tới một chương trình, sử dụng bàn phím hay chuột và chờ nhận kết quả tức thì. Do đó, thời gian đáp ứng nên ngắn-diễn hình trong phạm vi 1 giây hay ít hơn.

Một hệ thống chia thời cho phép nhiều người dùng chia sẻ máy tính cùng một thời điểm. Vì mỗi hoạt động hay lệnh trong hệ chia thời được phục vụ ngắn, chỉ một ít thời gian CPU được yêu cầu cho mỗi người dùng. Khi hệ thống nhanh chóng chuyển

từ một người dùng này sang người dùng kế, mỗi người dùng được cho cảm giác rằng toàn bộ hệ thống máy tính được tận hiến cho mình, nhưng thật sự máy tính đó đang được chia sẻ cho nhiều người dùng.

Một hệ điều hành chia thời sử dụng định thời CPU và đa chương để cung cấp mỗi người dùng với một phần nhỏ của máy tính chia thời. Mỗi người dùng có ít nhất một chương trình riêng trong bộ nhớ. Một chương trình được nạp vào trong bộ nhớ và thực thi thường được gọi là một quá trình. Khi một quá trình thực thi, diễn hình nó thực thi chỉ tại một thời điểm ngắn trước khi nó kết thúc hay cần thực hiện xuất/nhập. Xuất/nhập có thể được giao tiếp; nghĩa là dữ liệu xuất hiện thị trên màn hình cho người dùng và dữ liệu nhập từ bàn phím, chuột hay thiết bị khác. Vì giao tiếp xuất/nhập chủ yếu chạy ở “tốc độ người dùng”, nó có thể mất một khoảng thời gian dài để hoàn thành. Thí dụ, dữ liệu nhập có thể bị giới hạn bởi tốc độ nhập của người dùng; 7 ký tự trên giây là nhanh đối với người dùng, nhưng quá chậm so với máy tính. Thay vì để CPU rảnh khi người dùng nhập liệu, hệ điều hành sẽ nhanh chóng chuyển CPU tới một chương trình khác.

Hệ điều hành chia thời phức tạp hơn nhiều so với hệ điều hành đa chương. Trong cả hai dạng, nhiều công việc được giữ cùng lúc trong bộ nhớ vì thế hệ thống phải có cơ chế quản lý bộ nhớ và bảo vệ. Để đạt được thời gian đáp ứng hợp lý, các công việc có thể được hoán vị vào ra bộ nhớ chính. Một phương pháp chung để đạt mục tiêu này là bộ nhớ ảo, là kỹ thuật cho phép việc thực thi của một công việc có thể không hoàn toàn ở trong bộ nhớ. Ưu điểm chính của cơ chế bộ nhớ ảo là các chương trình có thể lớn hơn bộ nhớ vật lý. Ngoài ra, nó trừu tượng hoá bộ nhớ chính thành mảng lưu trữ lớn và đồng nhất, chia bộ nhớ luận lý như được thấy bởi người dùng từ bộ nhớ vật lý. Sự sắp xếp này giải phóng lập trình viên quan tâm đến giới hạn lưu trữ của bộ nhớ.

Các hệ chia thời cũng phải cung cấp một hệ thống tập tin. Hệ thống tập tin định vị trên một tập hợp đĩa; do đó quản lý đĩa phải được cung cấp. Hệ chia thời cũng cung cấp cơ chế cho việc thực thi đồng hành, yêu cầu cơ chế định thời CPU tinh vi. Để đảm bảo thứ tự thực thi, hệ thống phải cung cấp các cơ chế cho việc đồng bộ hoá và giao tiếp công việc, và có thể đảm bảo rằng các công việc không bị deadlock, chờ đợi công việc khác mãi mãi.

Ý tưởng chia thời được giới thiệu trong những năm 1960, nhưng vì hệ chia thời là phức tạp và rất đắt để xây dựng, chúng không phổ biến cho tới những năm 1970. Mặc dù xử lý theo bó vẫn được thực hiện nhưng hầu hết hệ thống ngày nay là chia thời. Do đó, đa chương và chia thời là những chủ đề trung tâm của hệ điều hành hiện đại và chúng là chủ đề trọng tâm của giáo trình này.

V Hệ để bàn (Desktop system)

Máy tính cá nhân (PC) xuất hiện vào những năm 1970. Trong suốt thập niên đầu, CPU trong PC thiếu các đặc điểm cần thiết để bảo vệ hệ điều hành từ chương trình người dùng. Do đó, các hệ điều hành PC không là đa người dùng hoặc đa nhiệm. Tuy nhiên, các mục tiêu của hệ điều hành này thay đổi theo thời gian; thay vì tối ưu hoá việc sử dụng CPU và thiết bị ngoại vi, các hệ thống chọn lựa tối ưu hoá sự tiện

dụng và đáp ứng người dùng. Các hệ thống này gồm các PC chạy các hệ điều hành Microsoft Windows và Apple Macintosh. Hệ điều hành MS-DOS từ Microsoft được thay thế bằng nhiều ấn bản của Microsoft Windows và IBM đã nâng cấp MS-DOS thành hệ đa nhiệm OS/2. Hệ điều hành Apple Macintosh được gắn nhiều phần cứng hiện đại hơn và ngày nay chứa nhiều đặc điểm mới như bộ nhớ ảo và đa nhiệm. Với sự phát hành MacOS X, lõi của hệ điều hành ngày nay dựa trên Mach và FreeBSD UNIX cho sự mở rộng, năng lực và đặc điểm nhưng nó vẫn giữ lại giao diện đồ họa người dùng GUI. LINUX, một hệ điều hành tương tự như UNIX sẵn dùng cho máy PC trở nên phổ biến gần đây.

Hệ điều hành cho các máy tính này có những thuận lợi trong nhiều cách từ sự phát triển của hệ điều hành cho mainframes. Máy vi tính (microcomputer) lập tức có thể được chấp nhận một số công nghệ được phát triển cho hệ điều hành lớn hơn. Thêm vào đó, chi phí phần cứng cho máy vi tính đủ thấp để các cá nhân có thể một mình sử dụng máy tính, và sử dụng CPU không còn quan trọng nữa. Do đó, những quyết định thiết kế được thực hiện trong hệ điều hành cho mainframes có thể không hợp lý cho các hệ thống nhỏ hơn.

Những quyết định thiết kế khác vẫn được áp dụng. Thí dụ, trước hết bảo vệ hệ thống tập tin không cần thiết trên máy cá nhân. Tuy nhiên, hiện nay các máy tính này thường được nối vào các máy tính khác qua mạng cục bộ hay Internet. Khi những máy tính khác và người dùng khác có thể truy xuất các tập tin này trên một PC, bảo vệ tập tin một lần nữa cũng trở thành một đặc điểm cần thiết của hệ điều hành. Sự thiếu bảo vệ tạo điều kiện dễ dàng cho những chương trình hiểm phá hủy dữ liệu trên những hệ thống như MS-DOS và hệ điều hành Macintosh. Các chương trình này có thể tự nhân bản và phát tán nhanh chóng bằng cơ chế worm hay virus và làm tê liệt mạng của các công ty hay thậm chí mạng toàn cầu. Đặc điểm chia thời được cải tiến như bộ nhớ bảo vệ và quyền tập tin là chưa đủ để bảo vệ một hệ thống từ sự tấn công.

VI Hệ đa xử lý

Hầu hết các hệ thống ngày nay là các hệ thống đơn xử lý; nghĩa là chỉ có một CPU chính. Tuy nhiên, các hệ thống đa xử lý (hay còn gọi là hệ song song hay hệ kết nối chặt) được phát triển rất quan trọng. Các hệ thống như thế có nhiều hơn một bộ xử lý trong giao tiếp gần, chia sẻ bus máy tính, đồng hồ, đôi khi còn là bộ nhớ hay thiết bị ngoại vi.

Hệ thống đa xử lý có ba ưu điểm chính:

- o **Thông lượng được gia tăng:** bằng cách tăng số lượng bộ xử lý, chúng ta hy vọng thực hiện nhiều công việc hơn với thời gian ít hơn. Tỷ lệ giữa sự tăng tốc với N bộ xử lý không là N ; đúng hơn nó nhỏ hơn N . Trong khi nhiều bộ xử lý cộng tác trên một công việc, một lượng chi phí phải chịu trong việc giữ các thành phần làm việc phù hợp. Chi phí này cộng với chi phí cạnh tranh tài nguyên được chia sẻ, làm giảm kết quả được mong đợi từ những bộ xử lý bổ sung. Tương tự như một nhóm gồm N lập trình viên làm việc với nhau không dẫn đến kết quả công việc đang đạt được tăng N lần.
- o **Tính kinh tế của việc mở rộng:** hệ thống đa xử lý có thể tiết kiệm nhiều chi

phí hơn hệ thống đơn bộ xử lý, bởi vì chúng có thể chia sẻ ngoại vi, thiết bị lưu trữ và điện. Nếu nhiều chương trình điều hành trên cùng tập hợp dữ liệu thì lưu trữ dữ liệu đó trên một đĩa và tất cả bộ xử lý chia sẻ chúng sẽ rẻ hơn là có nhiều máy tính với đĩa cục bộ và nhiều bản sao dữ liệu.

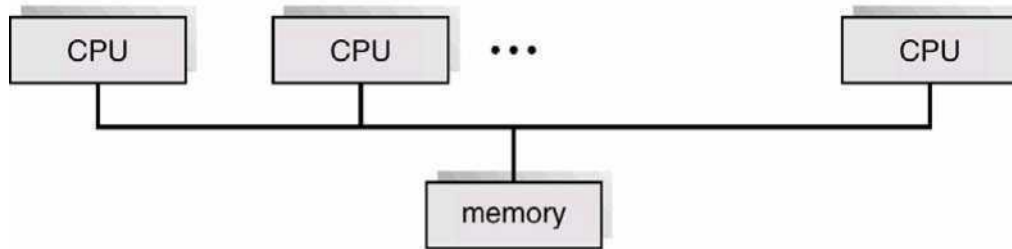
- o **Khả năng tin cậy được gia tăng:** nếu các chức năng được phân bổ hợp lý giữa các bộ xử lý thì lỗi trên một bộ xử lý sẽ không dừng hệ thống, chỉ năng lực bị giảm. Nếu chúng ta có 10 bộ xử lý và có 1 bộ xử lý bị sự cố thì mỗi bộ xử lý trong 9 bộ xử lý còn lại phải chia sẻ của công việc của bộ xử lý bị lỗi. Do đó, toàn bộ hệ thống chỉ giảm 10% năng lực hơn là dừng hoạt động. Các hệ thống được thiết kế như thế được gọi là hệ thống có khả năng chịu lỗi (fault tolerant).

Việc điều hành vẫn tiếp tục trong sự hiện diện của lỗi yêu cầu một cơ chế cho phép lỗi được phát hiện, chuẩn đoán và sửa lỗi nếu có thể. Hệ thống Tandem sử dụng sự nhân đôi phần cứng và phần mềm để đảm bảo sự điều hành vẫn tiếp tục mặc dù có lỗi xảy ra. Hệ thống này chứa hai bộ xử lý, mỗi bộ xử lý có bộ nhớ cục bộ riêng. Các bộ xử lý được nối kết bởi một bus. Một bộ xử lý chính và bộ xử lý kia là dự phòng. Cả hai bản sao được giữ ở mỗi bộ xử lý: một là chính và một là dự phòng. Tại các điểm kiểm tra (checkpoints) trong việc thực thi của hệ thống, thông tin trạng thái của mỗi công việc-gồm một bản sao hình ảnh bộ nhớ-được chép từ máy chính tới máy dự phòng. Nếu một lỗi được phát hiện, bản sao dự phòng được kích hoạt và được khởi động lại từ điểm kiểm tra mới nhất. Giải pháp này đắt vì nó bao gồm việc nhân đôi phần cứng.

Các hệ thống đa xử lý thông dụng nhất hiện nay sử dụng **đa xử lý đối xứng** (symmetric multiprocessing-SMP). Trong hệ thống này mỗi bộ xử lý chạy bản sao của hệ điều hành và những bản sao này giao tiếp với các bản sao khác khi cần. Vài hệ thống sử dụng **đa xử lý bất đối xứng** (asymmetric multiprocessing). Trong hệ thống này mỗi bộ xử lý được gán một công việc xác định. Một bộ xử lý chủ điều khiển hệ thống; những bộ xử lý còn lại hoặc chờ bộ xử lý chủ ra chỉ thị hoặc có những tác vụ được định nghĩa trước. Cơ chế này định nghĩa mối quan hệ chủ-tớ. Bộ xử lý chính lập thời biểu và cấp phát công việc tới các bộ xử lý tớ.

Đa xử lý đối xứng có nghĩa tất cả bộ xử lý là ngang hàng; không có mối quan hệ chủ-tớ tồn tại giữa các bộ xử lý. Hình I-4 minh họa một kiến trúc đa xử lý đối xứng điển hình. Một thí dụ của đa xử lý đối xứng là ấn bản của Encore của UNIX cho máy tính Multimax. Máy tính này có thể được cấu hình như nó đang thực hiện nhiều bộ xử lý, tất cả bộ xử lý đều chạy bản sao của UNIX. Ưu điểm của mô hình này là nhiều quá trình có thể chạy cùng một lúc - N quá trình có thể chạy nếu có N CPU- không gây ra sự giảm sút to lớn về năng lực. Tuy nhiên, chúng ta phải điều khiển cẩn thận xuất/nhập để đảm bảo rằng dữ liệu dẫn tới bộ xử lý tương ứng. Vì các CPU là riêng rẽ, một CPU có thể đang rảnh trong khi CPU khác quá tải dẫn đến việc sử dụng không hữu hiệu tài nguyên của hệ thống. Sự không hiệu quả này có thể tránh được nếu các bộ xử lý chia sẻ các cấu trúc dữ liệu. Một hệ thống đa xử lý của dạng này sẽ cho phép các quá trình và tài nguyên - như bộ nhớ - được chia sẻ tự động giữa các quá trình khác nhau và có thể làm giảm sự khác biệt giữa các bộ xử lý. Hầu như tất cả hệ điều hành hiện đại - gồm Windows NT, Solaris, Digital UNIX, OS/2 và LINUX - hiện nay

cung cấp sự hỗ trợ đa xử lý đối xứng.



Hình 0-4 Kiến trúc đa xử lý đối xứng

Sự khác biệt giữa đa xử lý đối xứng và bất đối xứng có thể là do phần cứng hoặc phần mềm. Phần cứng đặc biệt có thể khác nhau trên nhiều bộ xử lý, hoặc phần mềm có thể được viết để cho phép chỉ một chủ và nhiều tớ. Thí dụ, SunOS ấn bản 4 cung cấp đa xử lý không đối xứng, ngược lại, ấn bản 5 (Solaris 2) là đối xứng trên cùng phần cứng.

Khi các bộ vi xử lý trở nên rẻ hơn và mạnh hơn các chức năng bổ sung của hệ điều hành là chuyển tới bộ xử lý tớ. Thí dụ, tương đối dễ để thêm bộ vi xử lý với bộ nhớ riêng để quản lý hệ thống đĩa. Bộ vi xử lý có thể nhận một chuỗi các yêu cầu từ bộ nhớ chính và cài đặt hàng đợi đĩa riêng và giải thuật định thời. Sự sắp xếp này làm giảm chi phí định thời đĩa của CPU. PC chứa một bộ vi xử lý trong bàn phím để chuyển những phím nóng thành mã để gởi tới CPU. Thực tế, việc sử dụng các bộ vi xử lý trở nên quá phổ biến đến nỗi mà đa xử lý không còn được xem xét.

VII Hệ phân tán

Một mạng, trong thuật ngữ đơn giản nhất, là một đường dẫn truyền thông giữa hai hay nhiều hệ thống. Hệ phân tán phụ thuộc vào mạng với những khả năng của nó. Bằng cách cho phép truyền thông, hệ phân tán có thể chia sẻ các tác vụ tính toán và cung cấp nhiều chức năng tới người dùng.

Các mạng với sự đa dạng về giao thức được dùng, khoảng cách giữa các nút và phương tiện truyền. TCP/IP là giao thức mạng phổ biến nhất mặc dù ATM và các giao thức khác được sử dụng rộng rãi. Tương tự, hệ điều hành hỗ trợ sự đa dạng về giao thức. Hầu hết các hệ điều hành hỗ trợ TCP/IP, gồm Windows và UNIX. Một số hệ điều hành khác hỗ trợ các giao thức riêng phù hợp với yêu cầu của chúng. Đối với một hệ điều hành, một giao thức mạng chỉ cần một thiết bị giao diện - thí dụ: một card mạng-với một trình điều khiển thiết bị để quản lý nó và một phần mềm để đóng gói dữ liệu trong giao thức giao tiếp để gởi nó và mở gói để nhận nó.

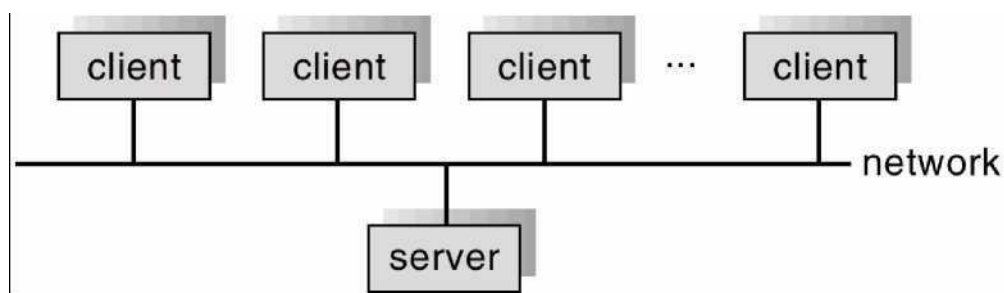
Mạng thường dựa trên các khoảng cách giữa các nút. Một mạng cục bộ (LAN-Local Area Network) tồn tại trong phạm vi một phòng, một tầng, hay một toà nhà. Một mạng diện rộng (Wide-Area Network) thường tồn tại giữa các toà nhà, các thành phố, các quốc gia. Một công ty toàn cầu có thể có một mạng diện rộng để nối kết tới các văn phòng của nó. Các mạng này có thể chạy với một hay nhiều giao thức. Sự tiến bộ liên tục của công nghệ mới hình thành nhiều dạng mạng khác nhau. Thí dụ, mạng đô thị (MAN-Metropolitan Area Network) cũng liên kết các toà nhà trong cùng một thành phố. Các thiết bị Bluetooth giao tiếp qua một khoảng cách ngắn khoảng vài bộ

(feet), chủ yếu tạo ra một mạng phạm vi nhỏ (small-area network).

Các phương tiện truyền thông làm các mạng tương đối khác nhau. Chúng gồm cáp đồng, cáp quang, truyền không dây giữa vệ tinh, các đĩa vi sóng (microwave dishes) và sóng radio. Khi các thiết bị tính toán được nối kết tới các điện thoại di động, chúng tạo ra một mạng. Thậm chí rất nhiều giao tiếp hồng ngoại dây ngắn có thể được dùng cho mạng. Tại cấp độ cơ bản, bất cứ khi nào các máy tính giao tiếp chúng sử dụng hay tạo ra một mạng. Các mạng này cũng rất khác nhau về năng lực và khả năng tin cậy.

VII.1 Hệ khách hàng-máy phục vụ

Một PC có thể trở nên nhanh hơn, mạnh hơn, rẻ hơn nếu người thiết kế thay đổi rất xa từ kiến trúc hệ thống tập trung. Các thiết bị đầu cuối được nối kết tới các hệ tập trung hiện nay đang được thay thế bởi các PC. Tương ứng, chức năng giao diện người dùng được dùng quản lý trực tiếp bởi các hệ tập trung đang được quản lý tăng dần bởi các PC. Do đó, các hệ tập trung ngày nay hoạt động như hệ máy phục vụ để thoả mãn các yêu cầu phát sinh bởi hệ thống khách hàng. Đặc điểm chung của hệ khách hàng- máy phục vụ được mô tả trong hình-I-5:



Hình 0-5 Cấu trúc chung của hệ khách hàng-máy phục vụ

Các hệ máy chủ có thể được phân loại rộng rãi như máy phục vụ tính toán và máy phục vụ tập tin

- o **Hệ máy phục vụ tính toán** (Compute-server systems): cung cấp giao diện mà khách hàng có thể gửi các yêu cầu để thực hiện hoạt động. Chúng thực thi hoạt động và gửi kết quả cho khách hàng.
- o **Hệ máy phục vụ tập tin** (File-server systems): cung cấp một giao diện hệ thống tập tin nơi khách hàng có thể tạo, cập nhật, đọc và xoá tập tin.

VII.2 Hệ ngang hàng

Sự phát triển của mạng máy tính-đặc biệt là Internet và Word Wide Web (WWW)-có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển gần đây của hệ điều hành. Khi PC được giới thiệu vào những năm 1970, chúng được thiết kế cho việc sử dụng “cá nhân” và thường được xem như là các máy tính đơn lẻ (standalone computer). Với việc bắt đầu sử dụng Internet phổ biến và rộng rãi vào những năm 1980 với e-mail, ftp, gopher, nhiều PC được nối vào mạng máy tính. Với sự giới thiệu dịch vụ Web vào giữa những năm 1990, nối kết mạng trở thành một thành phần quan trọng của một hệ thống mạng máy tính.